TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số*:* 24/2019/DS-ST
Ngày: 07-11-2019
V/v*:* tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Kim Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Cải;

Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

-Thư ký phiên toà: Bà Bùi Phương Thảo – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á
Địa chỉ: số 130 đường Phan Đăng Lưu, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T1 - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T2 - chức vụ: Tổng giám đốc (Theo Quyết định ủy quyền số 11/QĐ-DAB-HĐQT ngày 24-01-2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Đ); Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đặng Kim C, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Nam Định (Theo Quyết định ủy quyền số 225/QĐ-DAB-PC ngày 19-3-2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng Đ); Địa chỉ chi nhánh: số 52 đường Quang Trung, phường Bà Triệu, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn:

1. Anh Trần Đức C, sinh năm 1973

2. Chị Trần Thị T1, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Xóm 5, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.Ông Trần Đức B, sinh năm 1947

2. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1945

Nơi cư trú: Xóm 5, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

(tại phiên tòa có mặt người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á là ông Đặng Kim C; anh C, chị T1, ông B và bà T2 có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện đề ngày 27-3-2019, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á là ông Đặng Kim C trình bày:

Ngày 18-01-2018 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh Nam Định(viết tắt là Ngân hàng Đ) và vợ chồng anh Trần Đức C, chị Trần Thị T1 có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số K.0014/HM18 và Hợp đồng tín dụng cụ thể kiêm giấy nhận nợ số 02K.0014/HM18 ngày 17-7-2018. Hạn mức tín dụng cho vay 400.000.000 đồng *(bốn trăm triệu đồng);*Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán tiền mua hàng. Thời hạn vay 6 tháng từ ngày 18-7-2018 đến ngày 17-01-2019; Lãi suất trong hạn là 8,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 12,75%/năm; Lãi trả hàng tháng, gốc trả nợ cuối kỳ ngày 17-01-2019; Lãi chậm trả được áp dụng khi bên vay không trả đúng hạn tiền lãi.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Trần Đức B và bà Trần Thị T2 là bố mẹ đẻ của anh C đã tự nguyện ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K.0014/TC18 ngày 18-01-2018; tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 25 địa chỉ xóm 5, xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 708232 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 13-01-2016 mang tên ông Trần Đức B và bà Trần Thị T2. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm.

Thực hiện cam kết trong Hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng Đ đã giải ngân cho anh Trần Đức C, chị Trần Thị T1 vay số tiền 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*) theo phiếu chuyển khoản ngày 17-7-2018.

Sau khi vay vốn từ ngày 18-7-2018 đến ngày 16-10-2018 anh Trần Đức C, chị Trần Thị T1 đã thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền lãi trong hạn: 4.086.575 đồng*(bốn triệu không trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng).*Từ sau ngày 16-10-2018 đến ngày xét xử anh Trần Đức C, chị Trần Thị T1 không thanh toán bất kỳ một khoản kể cả gốc đến hạn và lãi theo hợp đồng vay đã ký giữa hai bên. Ngân hàng đã nhiều lần trao đổi, nhắc nhở, thông báo tạo điều kiện để anh Trần Đức C, chị Trần Thị T1 thanh toán nợ nhưng anh Trần Đức C, chị Trần Thị T1 vẫn không thanh toán theo hợp đồng.

Do anh Trần Đức C, chị Trần Thị T1 đã vi phạm Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Đức C, chị Trần Thị T1 phải trả một lần cho Ngân hàng Đ gồm gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả tính đến hết ngày 07-11-2019 là 455.387.766 đồng *(bốn trăm năm mươi lăm triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng)* và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 08-11-2019 đến ngày anh Trần Đức C, chị Trần Thị T1 trả hết nợ cho Ngân hàng Đ theo lãi suất quá hạn, lãi chậm trả trong Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên.

Trong trường hợp anh Trần Đức C, chị Trần Thị T1 không thực hiện việc trả đầy đủ các khoản nợ trên thì Ngân hàng Đ đề nghị phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 25 địa chỉ xóm 5, xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam mang tên ông Trần Đức B và bà Trần Thị T2 để thu hồi nợ.

2.Tại bản tự khai đề ngày 24-9-2019 của anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 trình bày: anh C và chị T1 đều xác nhận việc ngày 18-01-2018 có ký hợp đồng tín dụng số K.0014/HM18 với Ngân hàng Đ để vay 400.000.000 đồng *(bốn trăm triệu đồng).* Mục đích vay: trả tiền hàng và đã được Ngân hàng Đ giải ngân cho vay đủ số tiền 400.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng cụ thể kiêm giấy nhận nợ số 02K.0014/HM18 ngày 17-7-2018. Việc thỏa thuận thời hạn vay và lãi suất như Ngân hàng Đ trình bày là đúng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Trần Đức B và bà Trần Thị T2 đã thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 25 địa chỉ xóm 5, xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 708232 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 13-01-2016 mang tên ông Trần Đức B và bà Trần Thị T2. Vợ chồng anh C, chị T1 xác nhận mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền 4.086.575 đồng tiền lãi trong hạn. Do làm ăn thua lỗ nên anh C, chị T1 chưa thanh toán bất kỳ một khoản nảo kể cả gốc đến hạn và lãi theo qui định của hợp đồng vay đã ký giữa hai bên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ, anh C và chị T1 có quan điểm đề nghị Ngân hàng Đ tạo điều kiện để vợ chồng anh C và chị T1 thu xếp tài chính và

có phương án trả nợ cụ thể. Nếu không trả được nợ anh C, chị T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Ngoài ra do công việc làm ăn nên anh C, chị T1 không thể đến Tòa án tham gia tố tụng để giải quyết vụ án và đã có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa.

3.Tại bản tự khai ngày 24-9-2019 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đức B và bà Trần Thị T2 trình bày: Việc vợ chồng anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 vay số tiền 400.000.000 đồng của Ngân hàng Đ là đúng. Để đảm bảo cho khoản vay của anh C và chị T1, vợ chồng ông bà đã tự nguyện thế chấp tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 25 địa chỉ xóm 5, xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 708232 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 13-01-2016 mang tên ông, bà. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do làm ăn thất bại nên vợ chồng anh C và chị T1 không có tiền để thanh toán cho Ngân hàng Đ.

Quan điểm của ông B và bà T2 đề nghị Ngân hàng Đ tạo điều kiện để vợ chồng ông cùng các con thu xếp tài chính và có phương án trả nợ cụ thể. Nếu không trả được nợ vợ chồng ông đồng ý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 6 tờ bản đồ số 25 địa chỉ thửa đất xóm 5 xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam để thu hồi nợ. Vợ chồng ông không có nhu cầu mua lại tài sản đã thế chấp.

Ngoài ra do sức khỏe và công việc nên ông B và bà T2 không thể đến Tòa án tham gia tố tụng để giải quyết vụ án và đã có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa.

4. Ngày 15-10-2019 Tòa án đã tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản của ông B và bà T2 đã thế chấp cho Ngân hàng Đ:

- Về diện tích đất thửa đất số 6 tờ bản đồ số 25 địa chỉ thửa đất xóm 5 xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam có tổng diện tích là 428 m^2 trong đó diện tích đất ở là 190m^2 và diện tích đất trồng cây lâu năm là 238 m^2.

- Về tài sản gắn liền quyền sử dụng đất: Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì các tài sản thế chấp từ khi thế chấp đến nay không thay đổi so với hợp đồng thế chấp, vợ chồng ông B, bà T2 không xây dựng, cải tạo gì thêm và thuộc sở hữu hợp pháp của vợ chồng ông B, bà T2, không tranh chấp với ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định trình bày quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng qui định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã được đảm bảo việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng qui định.

Về việc giải quyết vụ án: Giữa Ngân hàng Đ và anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 có ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức, hợp đồng tín dụng cụ thể kiêm giấy nhận nợ với số tiền vay là 400.000.000 đồng. Hình thức và nội dung của hợp đồng đã đảm bảo qui định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ đối với anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1. Buộc anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 phải thanh toán cho Ngân hàng Đ tổng số tiền gồm gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả tính đến hết ngày 07-11-2019 là 455.387.766 đồng *(bốn trăm năm mươi lăm triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng)* và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 08-11-2019 đến ngày anh Trần Đức C, chị Trần Thị T1 trả hết nợ cho Ngân hàng Đ theo lãi suất quá hạn, lãi chậm trả được qui định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số K.0014/HM18 ngày 18-01-2018 và Hợp đồng tín dụng cụ thể kiêm giấy nhận nợ số 02K.0014/HM18 ngày 17-7-2018.

- Về xử lý tài sản thế chấp: Căn cứ Điều 299, Điều 351 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trong trường hợp anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 không trả đầy đủ nợ gốc và lãi thì Ngân hàng Đ được quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 6 tờ bản đồ số 25, địa chỉ thửa đất xóm 5 xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam để thu hồi nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh C, chị T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Đ yêu cầu anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 trả nợ cho Ngân hàng Đ theo hợp đồng tín dụng lập ngày 18-01-2018. Căn cứ nội dung hợp đồng xác định bên được cấp tín dụng là cá nhân, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác nhận anh C, chị T1 vay tiền với tư cách cá nhân không có đăng ký kinh doanh. Vì vậy, căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng"

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Điểm b Mục 6 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số K.0014/HM18 ngày 18-01-2019 giữa Ngân hàng Đ và anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 thì tranh chấp các bên sẽ được giải quyết tại Tòa án

nơi có Ngân hàng Đ – Chi nhánh Nam Định đặt trụ sở giao dịch. Xét thấy, thỏa thuận về thẩm quyền của Tòa án phù hợp với qui định của Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy Tòa án nhân dân thành phố Nam Định tiếp nhận hồ sơ vụ án theo Quyết định chuyển vụ án số 01/2019/QĐ-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.3]Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn Anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đức B và bà Trần Thị T2 đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng:

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số K.0014/HM18 ngày 18-01-2018 giữa Ngân hàng Đ và anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 thì Ngân hàng Đ cho anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 vay số tiền 400.000.000 đồng. Mục đích vay thanh toán tiền hàng; Thời hạn vay 6 tháng từ ngày 18-7-2018 đến ngày 17-01-2019; Lãi suất 8,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 12,75%/năm; Lãi trả hàng tháng, gốc trả nợ cuối kỳ ngày 17-01-2019; Lãi chậm trả được áp dụng khi bên vay không trả đúng hạn tiền lãi. Xét thấy các bên tiến hành giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật; hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với Điều 116, Điều 117, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; về lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng và Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng nên Hợp đồng tín dụng có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng và yêu cầu thanh toán nợ:

Sau khi ký kết hợp đồng Ngân hàng Đ đã giải ngân số tiền 400.000.000 đồng cho anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1. Anh Trần Đức C, chị Trần Thị T1 mới thanh toán cho Ngân hàng Đ Nam Định tổng số tiền lãi trong hạn: 4.086.575 đồng. Đến kỳ thanh toán ngày 17-01-2019 cho đến ngày xét xử 07-11-2019 anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 đã không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào cho Ngân hàng Đ. Như vậy, anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 đã vi phạm Khoản 7 Điều 11 của Hợp đồng tín dụng, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ bảng kê dư nợ khoản vay của anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 do Ngân hàng Đ tính đến ngày 07-11-2019 và anh C và chị T1 không có ý kiến phản đối thì anh C và chị T1 phải thanh toán số tiền gốc là 400.000.000 đồng, lãi trong hạn là 13.053.151 đồng, lãi quá hạn là 41.079.452 đồng, lãi chậm trả là 1.255.163 đồng. Tổng cộng cả gốc và các khoản lãi phải trả Ngân hàng Đ là 455.387.766 đồng *(bốn trăm năm mươi lăm triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn*

bảy trăm sáu mươi sáu đồng). Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng Đ là có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Án lệ số 08/2016/AL ngày 17-10-2016 về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 08-11-2019, anh Trần Đức C, chị Trần Thị T1 còn phải phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số K.0014/HM18 ngày 18-01-2018 và Hợp đồng tín dụng cụ thể kiêm giấy nhận nợ số 02K.0014/HM18 ngày 17-7-2018 cho đến ngày anh Trần Đức C, chị Trần Thị T1 trả hết nợ.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp:

Ngày 18-01-2018 Ngân hàng Đ và ông Trần Đức B và bà Trần Thị T2 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số K.0014/TC18 để đảm bảo cho khoản vay của anh C, chị T1 tại Ngân hàng Đ. Theo hợp đồng thế chấp thì ông B và bà T2 thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất 428m^2 và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 25 địa chỉ xóm 5, xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam ngày 18-01-2018. Hợp đồng thế chấp tài sản được lập thành văn bản, được công chứng hợp lệ và đã đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản thế chấp theo quy định của Điều 292, Điều 295, Điều 298, Điều 317, Điều 319 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp và có giá trị bắt buộc thực hiện giữa các bên. Anh C và chị T1 không thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng Đ yêu cầu phát mại tài sản để thu hồi nợ. Xét yêu cầu này là hợp pháp, đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do anh C và chị T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh C và chị T1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 4.500.000 đồng. Ngân hàng Đ không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng Đ đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên anh C và chị T1 phải hoàn trả lại cho Ngân hàng Đ số tiền 4.500.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị đơn anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả là 455.387.766 đồng là: [20.000.000đ + (4% x 55.387.766 đồng] = 22.215.000 đồng (đã làm tròn số)

Yêu cầu của Ngân hàng Đ được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng Đ đã nộp được hoàn trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 292, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 398, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 179 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á đối với anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1

- Buộc anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á các khoản nợ tính đến hết ngày 07-11-2019 như sau:

- Tiền nợ gốc: 400.000.000 đồng

- Tiền nợ lãi trong hạn: 13.053.151 đồng

- Tiền nợ lãi quá hạn: 41.079.452 đồng

- Tiền lãi chậm trả: 1.255.163 đồng

Tổng cộng là 455.387.766 đồng *(bốn trăm năm mươi lăm triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng)*.

Kể từ ngày 08-11-2019 anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số K.0014/HM18 ngày 18-01-2018 và Hợp đồng tín dụng cụ thể kiêm giấy nhận nợ số 02K.0014/HM18 ngày 17-7-2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – chi nhánh Nam Định.

Căn cứ vào thỏa thuận tại Mục i Điểm a Khoản 6 của Hợp đồng tín dụng cụ thể kiêm giấy nhận nợ về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, thì mức lãi suất mà anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 không thanh toán đầy đủ tất cả các khoản nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng Đ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 428m^2 và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 25 địa chỉ xóm 5, xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 708232 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 13-01-2016 mang tên ông Trần Đức B và bà Trần Thị T2 để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi phát mại các tài sản thế chấp mà số tiền thu được không đủ để thanh toán khoản nợ (bao gồm cả gốc và lãi) thì anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 phải hoàn trả lại số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1 phải nộp án phí dân sự là 22.215.000 đồng (hai mươi hai triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng)

- Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003512 ngày 02-8-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

5. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Đức C và chị Trần Thị T1, ông Trần Đức B và bà Trần Thị T2 có quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lương Thị Kim Huế

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục thi hành án dân sự TP Nam Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.